

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: 682 /NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Mua sắm khí công nghiệp các loại
năm 2024 (lần 2)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Mua sắm khí công nghiệp các loại năm 2024 (lần 2)**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 20/3/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Phú Cường

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 682 /NĐĐT-KHVT ngày 13/3/2024 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Khí Oxy	O ₂ ≥ 99.6%; Dung tích: 40L/chai; P = 135bar		Chai	180,00	05 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
2	Khí Nitơ	N ₂ ≥ 99.99%; Dung tích: 40L/chai; P = 150bar		Chai	150,00	05 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
3	Khí hỗn hợp Oxy - Nitơ	4%O ₂ – 96%N ₂ ; Dung tích 4L/chai		Chai	10,00	05 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
4	Khí gas hóa lỏng	PetroVietnam		Kg	360,00	05 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
5	Khí CO ₂	CO ₂ ≥ 99,9%; Dung tích: 40L/chai; P=75bar (25 kg)		Bình	300,00	05 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
6	Khí Axetylen	C ₂ H ₂ ≥ 98.5%; Dung tích: 40L/chai; P = 20bar (6kg)		Kg	70,00	05 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
7	Bình khí chuẩn Sulphur Dioxide (10L- AL 350PPM SO ₂ /N ₂)	Nồng độ: 350 ppm; Khí nền: Nitrogen (N ₂); Dung tích: 10 lít; Dung tích khí: 1.500 lít khí; Vật liệu chai khí: nhôm		Bình	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		(aluminium); Áp suất khí: 150 bar; Độ chính xác: $\pm 2\%$; Khí chuẩn SO ₂ được liên kết chuẩn tới NPL; của nhà sản xuất Calgaz							
8	Bình khí chuẩn O ₂	Dung tích bình: 10 lít; Nồng độ: 12,5% O ₂ ; Áp suất: 144 bar; Có liên kết chuẩn tới NIST; Độ chính xác accuracy $\leq 2\%$; của nhà sản xuất Air Liquid		Bình	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
9	Bình khí chuẩn Nitric Oxide (10L-AL 750PPM NO/N ₂)	Nồng độ: 750 ppm; Khí nền: Nitrogen (N ₂); Dung tích: 10 lít; Dung tích khí: 1.500 lít khí; Vật liệu chai khí: nhôm (aluminium); Áp suất khí: 150 bar; Độ chính xác: $\pm 2\%$; Khí chuẩn NO được liên kết chuẩn tới NPL; của nhà sản xuất Calgaz		Bình	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)
10	Bình khí chuẩn Carbon oxide (10L-AL	Nồng độ: 500 ppm; Khí nền: Nitrogen (N ₂); Dung tích: 10 lít;		Bình	1,00	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	500PPM CO/N2)	Dung tích khí: 1.500 lít khí; Vật liệu chai khí: nhôm (aluminium); Áp suất khí: 150 bar; Độ chính xác: $\pm 2\%$; Khí chuẩn CO được liên kết chuẩn tới NPL; của nhà sản xuất Calgaz							
	Tổng								
	Thuế GTGT								
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bằng chữ:								

Ghi chú:

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.